

Số: 159/2021/QĐST-HNGĐ

H, ngày 16 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HÓA

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 361 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 6; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2021 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con khi ly hôn*”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Tô Văn H, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Chị Bùi Thị Hồng N, sinh năm 2000

HKTT: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hoá.

Nơi ở hiện nay: Thôn Minh Thọ, xã Minh Lộc, huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Tô Văn H và chị Bùi Thị Hồng N tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện H cấp 14/9/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống hòa thuận được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, dẫn đến không còn tình cảm với nhau nữa, anh H và chị N đã sống ly thân từ tháng 10/2020 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh H và chị N đều xét thấy tình cảm thực sự không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do đó cần áp dụng điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. Về con: Anh Tô Văn H và chị Bùi Thị Hồng N đều xác định vợ chồng có 02 con chung. Cháu đầu tên là Tô Gia M, sinh ngày 17/11/2016; cháu thứ hai tên là Tô Quỳnh A, sinh ngày 27/3/2020.

Hai bên thống nhất và thỏa thuận: Giao cháu Tô Gia M cho anh Tô Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Quỳnh A cho chị Bùi Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H và chị N được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[3]. Về tài sản, công nợ: Anh Tô Văn H và chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh Tô Văn H và chị Bùi Thị Hồng N thống nhất thỏa thuận mỗi người chịu trách nhiệm nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm. Xét đây là sự tự nguyện của hai bên nên chấp nhận.

[5]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 08 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Tô Văn H và chị Bùi Thị Hồng N.

- Về con: Anh Tô Văn H và chị Bùi Thị Hồng N thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Tô Gia M cho anh Tô Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao cháu Tô Quỳnh A cho chị Bùi Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh H và chị N được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản, công nợ: Anh Tô Văn H và chị Bùi Thị Hồng N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Tô Văn H và chị Bùi Thị Hồng N mỗi người nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí anh H, chị N đã nộp theo Biên lai thu số AA/2021/0008721 ngày

18/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Anh H, chị N đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Thị Nga